

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **932/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/9/2017

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Thị Ngọc Phượng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Kim Thái Hồ
2. Ông Phạm Văn Huân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 681/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Lệ H., sinh năm 1991 (vắng mặt)
Thường trú: Số X, đường Y, xã Z, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V., sinh năm 1986 (có mặt)
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, thị trấn B, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.
Địa chỉ nơi làm việc: Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại T. - số M, đường N, phường O, quận Tân Phú, TP.HCM (Xưởng may 3, cH. 4).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (về việc ly hôn) ngày 05 tháng 7 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, nguyên đơn bà Bùi Thị Lệ H. trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng V. tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2014, quyền số 01/2014 do xã P., huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 29/4/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại số Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc. Đến cuối năm 2016, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách cư xử trái ngược nhau, ông V. không quan tâm đến vợ con, thường đi ăn nhậu, thậm chí dùng bạo

lực với bà. Mâu thuẫn chủ yếu do chi tiêu trong gia đình và nuôi dạy con cái, hai bên đều thiếu sự tôn trọng dành cho nhau. Hai bên đã nhiều lần cố gắng hòa giải để tìm tiếng nói chung nhưng không thành. Từ đầu năm 2017 đến nay, bà và con đã bỏ về nhà người thân ở Bà Rịa - Vũng Tàu để sống từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, hai bên hiện sống ly thân và bà không muốn gặp ông V. do sợ ông V. biết được chỗ ở sẽ tìm đến dùng V. lực với bà nên cố tình lẩn tránh. Nay bà mong Tòa án sớm giải quyết ly hôn cho bà để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai bên có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Ph., sinh ngày 12/6/2015, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo các lời khai và tại các buổi hòa giải tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, bị đơn ông Nguyễn Hoàng V. trình bày:

Về quá trình kết hôn đúng như lời bà H. trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến khoảng tháng 6/2017 bà H. tự ý dẫn con ra ngoài sống. Khi ông liên lạc được thì bà H. nói đang sống ở Vũng Tàu với người khác. Sau khi ông thuyết phục bà H. thì bà H. đồng ý quay về, ông đã ra Vũng Tàu đón bà H.. Khi đó ông có hỏi người đó là người nào, ở đâu và làm gì thì bà H. trả lời người đó làm thầu xây dựng, nhà cách chỗ bà H. đang sống khoảng 20km. Sau đó, khi về nhà bà H. đã thừa nhận thời gian qua có nhắn tin qua lại với một người khác trên Zalo nên bỏ nhà đi sống với người đó ở Vũng Tàu, nay thấy không thật sự có tình cảm với người ta nên quay về. Sự việc này ông đã trình bày với gia đình bên vợ, cha mẹ vợ ông không đồng ý việc làm này của bà H. và có khuyên bà H. thay đổi. Tuy nhiên, sau đó khoảng 1,2 ngày thì bà H. lại bỏ đi, ông đi Vũng Tàu tìm bà H. tại nhà hôm trước đã đón bà H. thì nghe người xung quanh nói bà H. không còn ở tại đó. Ông đã ở lại Vũng Tàu 3,4 ngày để tìm bà H. nhưng không gặp nên ông quay về. Từ đó đến nay ông không liên lạc được với bà H., chỉ nhắn tin trên Zalo nhưng bà H. rất ít trả lời.

Nay trước yêu cầu xin ly hôn của bà H. thì ông không đồng ý, ông mong được hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng vì ông không muốn con không có cha, muốn con cái có một gia đình đầy đủ tình cảm của cha và mẹ.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Ph., sinh ngày 12/6/2015. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà H. trực tiếp nuôi dưỡng đến 03 tuổi, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà H.. Nếu trong thời gian này bà H. không trực tiếp nuôi con, giao con cho người khác nuôi hoặc nuôi con không tốt, ông sẽ giành lại quyền nuôi con. Sau khi con chung được 03 tuổi, ông sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà H. sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Lệ H. có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V. vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với bà H. vì còn rất yêu thương vợ con, mong được hòa giải đoàn tụ. Về con chung, nếu ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2014, quyển số 01/2014 do xã P., huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 29/4/2014 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Lệ H. và ông Nguyễn Hoàng V. là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà H. yêu cầu ly hôn, ông V. hiện đang làm việc tại phường O., quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận Tân Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn: Bà Bùi Thị Lệ H. có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H. theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về các yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của bà H., xét thấy cuộc sống vợ chồng của bà H. và ông V. thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân chủ yếu là do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách cư xử trái ngược nhau, ông V. sinh tật nhậu nhẹt, bỏ bê vợ con, gây ảnh hưởng tới cuộc sống gia đình. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ đầu năm 2017 đến nay, bà không muốn gặp và cũng không liên lạc với ông V. do sợ ông V. biết được chỗ ở sẽ tìm đến dùng V. lực với bà nên cố tình lẩn tránh. Bà H. khẳng định không còn tình cảm, niềm tin gì đối với ông V. nên mong muốn được ly hôn. Ông V. mong muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn do còn thương yêu vợ con nhưng không đưa ra được phương án để có thể giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H. và ông V. đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy bà H. yêu cầu ly hôn mà Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. là phù hợp với quy định Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Bà H., ông V. xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Ph., sinh ngày 12/6/2015, hiện đang sống với bà H.. Khi ly hôn, ghi nhận ý kiến của các bên, giao bà H. trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà H. không yêu cầu ông V. cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H. phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên yêu cầu tự thỏa thuận về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Hai bên xác nhận không có nợ chung.

3. Về án phí:

Bà H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;
- Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Lệ H.:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Lệ H. được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V..

Quan hệ hôn nhân của bà Bùi Thị Lệ H. và ông Nguyễn Hoàng V. (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2014, quyển số 01/2014 do xã P., huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 29/4/2014) chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao bà H. trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Phát, sinh ngày 12/6/2015. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V. do bà H. không yêu cầu.

+ Ông V. có quyền, nghĩa vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân (người thân thích), tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ) có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà H. và ông V. yêu cầu tự thỏa thuận. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về nợ chung: Bà H. và ông V. xác nhận không có.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị Lệ H. phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H. đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009534 ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng V. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bùi Thị Lệ H. được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND xã P., huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tô Thị Ngọc Phượng